

DẠY CÁC KẾT TỪ LẬP LUẬN TRONG TIẾNG PHÁP CHO SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Thúy

Khoa Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Lập luận là một hiện tượng phổ biến trong giao tiếp. Muốn lập luận, chúng ta cần có phương tiện lập luận, và phương tiện phổ biến nhất là các kết từ lập luận. Nghiên cứu này nhằm làm rõ khái niệm kết từ lập luận trong tiếng Pháp, phân loại các kết từ lập luận trong tiếng Pháp và đề xuất một số phương pháp dạy các kết từ lập luận trong tiếng Pháp cho sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. Về phương pháp nghiên cứu, chúng tôi tiến hành thu thập và tổng hợp các tài liệu về kết từ lập luận trong tiếng Pháp, sau đó chúng tôi khảo sát bài viết của 50 sinh viên năm thứ 3 tại Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. Với kết quả nhận được, chúng tôi thấy rõ người học gặp rất nhiều khó khăn khi sử dụng từ nối, kết từ lập luận để viết bài. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số phương pháp dạy nhằm giúp sinh viên dễ hiểu và sử dụng các kết từ này một cách hiệu quả hơn.

Từ khóa: *Lập luận; kết từ lập luận trong tiếng Pháp; phương pháp dạy; tạo sự hứng thú; kết hợp các hoạt động.*

Ngày nhận bài: 20/12/2019; Ngày hoàn thiện: 25/02/2020; Ngày đăng: 27/3/2020

TEACHING CONNECTEUR ARGUMENTATIF IN FRENCH FOR STUDENTS IN SCHOOL OF FOREIGN LANGUAGES – THAI NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Thuy

TNU - School of Foreign Languages

ABSTRACT

Argumentum is a common phenomenon in communication. In order to successfully create an argumentum, we need a variety of means of argumentum, and the most popular one is *connecteur argumentif*. This study aims to clarify the concept of *connecteur argumentif* in French, classify them, and propose some methods to teach them to students of School of Foreign Languages - Thai Nguyen University (SFL - TNU). Regarding the research methodology, we collected and synthesized the materials of *connecteur argumentif* in French, and then conducted a survey based on the writings of more than junior students in School of Foreign Languages - TNU. From the results, we can clearly see that many students are dealing with difficulties in using linking words, connectors - or *connecteur argumentif* - to write compositions. From there, some teaching methods are proposed to help students understand and use these elements more effectively.

Keywords: *Argumentum; connecteur argumentif in French; teaching methods; motivation; integration activities.*

Received: 20/12/2019; Revised: 25/02/2020; Published: 27/3/2020

1. Giới thiệu

Trong cuộc sống, con người luôn dùng đến lập luận để chứng minh, giải thích, hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Lập luận có tầm quan trọng đặc biệt, đó chính là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề. Để góp phần tạo nên những lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, người học phải nắm được các kết tử lập luận bởi vì kết tử là những yếu tố ngôn ngữ thực hiện chức năng liên kết các thành phần trong lập luận. Hơn nữa, cách sử dụng của chúng rất phong phú, đa dạng. Vì thế nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi: *Dạy các kết tử lập luận trong tiếng Pháp như thế nào để giúp sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) dễ hiểu và sử dụng các kết tử này một cách hiệu quả.*

Từ đó, có thể thấy mục đích của nghiên cứu này là làm rõ khái niệm kết tử lập luận trong tiếng Pháp, phân loại các kết tử lập luận trong tiếng Pháp và đề xuất một số phương pháp dạy các kết tử lập luận trong tiếng Pháp cho sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày các nội dung sau:

- Một số nghiên cứu về kết tử lập luận và các khái niệm cơ bản
- Phương pháp nghiên cứu
- Kết quả nghiên cứu
- Đề xuất sư phạm

2. Một số nghiên cứu về kết tử lập luận và các khái niệm cơ bản

2.1 Một số nghiên cứu về kết tử lập luận

Kết tử lập luận đã được nghiên cứu từ lâu trong những công trình nghiên cứu về lập luận. Vào những năm 70 của thế kỷ XX, hai nhà ngôn ngữ học người Pháp là Ducrot và Anscombre đã phát triển hệ thống lý thuyết lập luận và giới thiệu qua một số công trình tiêu biểu như: *Les échelles argumentatives* (1980), *L'argumentation dans la langue* (1983), *Le dire et le dit* (1984). Qua đó, có thể thấy các nhà nghiên cứu rất quan tâm tới kết tử lập luận.

Sau Ducrot và Anscombre, Moeschler (1985) đã phát triển lý thuyết về kết tử lập luận bằng

việc đề xuất các tiêu chí phân loại kết tử: dựa trên tiêu chí cấu trúc, kết tử có thể chia thành kết tử 2 vị trí và kết tử 3 vị trí; dựa trên tiêu chí chức năng, kết tử được chia thành kết tử dẫn nhập luận cứ và kết tử dẫn nhập kết luận.

Gần đây, cuốn *Grammaire Méthodique du Français* của các tác giả Riegel, M., Pellat, J-M., et Rioul, R., (2009) [1] dành chương cuối cùng để nói về cấu trúc văn bản. Các ông đã đưa ra định nghĩa, vai trò của kết tử và phân loại các kết tử.

Ở Việt Nam, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Đức Dân, Trần Thế Hùng... cũng đã có một số nghiên cứu về kết tử lập luận.

Đỗ Hữu Châu, trong Đại cương ngôn ngữ học (tập 2) - phần *Ngữ dụng học* [2], đã dành chương IV để giới thiệu về lý thuyết lập luận theo tư tưởng của Ducrot và Anscombre; ông cũng đưa ra khái niệm về kết tử lập luận và giới thiệu các tiêu chí phân loại kết tử đã được Moeschler trình bày.

Nguyễn Đức Dân, trong *Giáo trình nhập môn logic hình thức* [3], cũng dành chương VIII để nói về lý thuyết lập luận: trong phần hai của chương này, tác giả đưa ra mô hình khái quát của lập luận, và có đề cập đến kết tử lập luận.

Trần Thế Hùng, trong bài viết *Lập luận trong ngôn ngữ (Nghiên cứu trên cứ liệu tiếng Pháp)* [4], tác giả đã trình các khái niệm cơ bản: luận cứ, kết luận, tác tử lập luận, kết tử lập luận, các chỉ dẫn lập luận và lẽ thường. Trong bài viết *Tác tử, kết tử lập luận* [5], kết tử được trình bày kỹ hơn gồm khái niệm, các tiêu chí phân loại và vai trò của kết tử trong việc chỉ dẫn quan hệ lập luận gồm hướng và hiệu lực của các luận cứ.

Như vậy, lý thuyết về kết tử lập luận đã được nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới và Việt Nam đề cập đến trong những nghiên cứu về lập luận. Đây là những kiến thức cơ bản và cũng là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp sau về kết tử trong các ngôn ngữ cụ thể. Tuy nhiên, đối với sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên vốn không có thói quen sử dụng từ nối, kết tử lập luận, làm sao để sinh viên sử dụng các kết tử này thường

xuyên và hợp lý. Đây chính là lý do vì sao chúng tôi tìm hiểu về vấn đề này và cố gắng đưa ra một số đề xuất về cách dạy các kết từ lập luận trong tiếng Pháp, nhằm giúp sinh viên Khoa Ngoại ngữ sử dụng các kết từ này hiệu quả hơn.

2.2. Các khái niệm cơ bản

2.2.1. Khái niệm kết từ lập luận

Theo Nguyễn Đức Dân [3, tr.186], "*Kết từ lập luận là yếu tố liên kết tiền đề với kết đề trong một lập luận*". Như vậy thì những yếu tố ngôn ngữ: *comme* (vì ... nên ...), *si* (nếu ... thì ...), *alors* (nên), *et* (và) ... có nhiệm vụ nối tiền đề với kết đề, các yếu tố ngôn ngữ này là các kết từ lập luận.

Ví dụ:

Comme il pleuvait, je suis allé en classe en retard. (Vì trời mưa **nên** em đi học muộn.)

Si tu finis tes devoirs, tu sortiras.

(Nếu con làm bài xong **thì** con sẽ được đi chơi.)

Đỗ Hữu Châu [2, tr.184] cho rằng "*Kết từ lập luận là những yếu tố (như các liên từ đẳng lập, liên từ phụ thuộc, các trạng từ, trạng ngữ...) phối hợp hai hoặc một số phát ngôn thành một lập luận duy nhất. Nhờ kết từ mà các phát ngôn trở thành luận cứ hay kết luận của một lập luận*". Theo định nghĩa này, kết từ không chỉ liên kết luận cứ với kết luận mà còn kết nối các luận cứ với nhau. Vì vậy, những từ ngữ: *alors* (do đó), *donc* (vậy nên), *c'est pourquoi* (chính vì thế),... dùng để nối luận cứ với kết luận; hay *en outre* (ngoài ra), *par ailleurs* (vả lại), *de plus* (hơn nữa), *en plus* (hơn nữa), *non seulement...*, *mais encore/ mais aussi* (không những... mà còn),... dùng để nối luận cứ với luận cứ đều là kết từ lập luận.

Ví dụ:

Elle est belle, **de plus** elle est très gentille, elle aide tout le monde.

(Cô ấy xinh đẹp, **hơn nữa** cô rất tốt bụng, cô thường giúp đỡ mọi người)

Theo Plantin, "*Kết từ lập luận (connecteurs de l'argumentation) là các yếu tố ngôn ngữ dùng để nối hai (hoặc một số) phát ngôn trong một quan hệ lập luận, trong đó một phát ngôn làm luận cứ còn phát ngôn kia là kết luận*" [4, tr.7. Theo đó, các yếu tố ngôn ngữ như: *comme/ puisque/ car/ parce que*

(bởi vì), *même* (thậm chí), *mais* (nhưng), *donc/ alors/ par conséquent/ en conséquence* (vậy nên), *c'est pourquoi* (chính vì thế), *décidément* (chắc chắn là, rõ ràng là), *quand même* (vẫn), *pourtant* (tuy nhiên), *finaleme* (cuối cùng)... là các kết từ lập luận. Trong đó, *comme, car, parce que, puisque, d'ailleurs, même, en plus, de plus...* được dùng để nối các luận cứ với nhau còn *donc, alors, c'est pourquoi, ainsi, finalement, bref...* nối luận cứ với kết luận.

Ví dụ:

Il pleuvait, **donc** je suis resté à la maison.

(Trời mưa, **vậy nên** tôi ở nhà.)

Từ những định nghĩa trên, chúng ta có thể thấy: *kết từ lập luận là những yếu tố ngôn ngữ dùng để liên kết các thành phần trong một lập luận*. Như vậy, chúng tôi không hề thu hẹp chức năng của kết từ lập luận mà cũng không quá đề cao vai trò của chúng trong lập luận.

Sau khi đã tìm hiểu định nghĩa về kết từ lập luận, chúng tôi tiến hành phân loại các kết từ lập luận trong tiếng Pháp.

2.2.2. Phân loại kết từ lập luận

Trong tiếng Pháp, các kết từ lập luận rất đa dạng: có những kết từ có thể dùng độc lập, nhưng cũng có những kết từ trong cùng một phát ngôn phải kết hợp với một kết từ khác.

Ví dụ:

Il pleuvait **donc** nous sommes restés à la maison.

(Trời mưa, **nên** chúng tôi ở nhà.)

Il pleuvait, **mais** nous sommes sortis **quand même**.

(Trời mưa, **nhưng** chúng tôi **vẫn** ra ngoài.)

Căn cứ vào cấu trúc hoặc chức năng, người ta có các loại kết từ khác nhau.

Về mặt chức năng, các kết từ được chia thành kết từ dẫn nhập luận cứ (introduceur d'argument) và kết từ dẫn nhập kết luận (introduceur de conclusion).

Theo Đỗ Hữu Châu, hai nhóm kết từ trên phân biệt như sau:

Kết từ dẫn nhập luận cứ: "*là kết từ đưa một nội dung (hay một hành vi ở lời) vào làm luận cứ cho một lập luận*" [2, tr.185]. Thí dụ: *car* (vì), *d'ailleurs* (vả lại), *or* (thế mà), *mais* (nhưng), *même* (thậm chí)... là các kết từ dẫn nhập luận cứ.

Kết từ dẫn nhập kết luận: “là kết từ “nói” một nội dung (hoặc một hành vi) đóng vai trò kết luận cho lập luận với luận cứ” [2, tr.185]. Thí dụ: *donc* (vậy nên), *décidément* (chắc chắn là/ rõ ràng là), *eh bien* (tóm lại), *quand même* (dù sao cũng), *finalement* (cuối cùng)... là các kết từ dẫn nhập kết luận.

Về mặt cấu trúc, các kết từ lập luận có thể chia thành kết từ hai vị trí (connecteurs à 2 places) và kết từ ba vị trí (connecteurs à 3 places). Theo Đỗ Hữu Châu [2, tr.184], kết từ hai vị trí: “là những kết từ chỉ cần hai phát ngôn là đủ lập thành một lập luận, không nhất thiết phải có thêm phát ngôn - luận cứ thứ ba (mặc dầu vẫn có thể thêm vào một hoặc một số phát ngôn - luận cứ bổ sung, đồng hướng)”. Theo đó, *comme*, *puisque*, *parce que*, *car* (vì), *donc*, *alors* (nên), *par conséquent* (vậy nên), *si* (nếu), *bien que* (mặc dù)... là các kết từ hai vị trí.

Ví dụ:

Bien qu'il pleuve, il arrive à l'heure.

(Mặc dù trời mưa, anh ấy vẫn đến đúng giờ.)

Bảng 1. Phân loại kết từ lập luận của Trần Thế Hùng theo tiêu chí phân chia của Moeschler

Về mặt cấu trúc	Kết từ hai vị trí	Kết từ ba vị trí	
		Luận cứ đồng hướng	Luận cứ nghịch hướng
Về mặt chức năng		d'ailleurs	
Kết từ dẫn nhập luận cứ	<i>car</i> , <i>puisque</i> , <i>parce que</i>	↕	<i>mais</i>
		même	
Kết từ dẫn nhập kết luận	<i>donc</i> , <i>alors</i> , <i>par conséquent</i>	<i>décidément</i>	<i>quand même</i> , <i>pourtant</i> , <i>finalement</i>

Dựa vào mục đích giao tiếp, Riegel và các cộng sự của ông [1, tr. 619] chia kết từ lập luận thành bốn nhóm: kết từ lập luận diễn đạt sự đối lập - nhượng bộ (opposition – concession); kết từ lập luận diễn đạt sự giải thích - chứng minh (explication - justification); kết từ lập luận diễn đạt sự bổ sung (complémentation); kết từ lập luận diễn đạt sự kết luận (conclusion). Sự phân loại của tác giả được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Phân loại kết từ lập luận của Riegel và các cộng sự

Kết từ lập luận diễn đạt sự đối lập - nhượng bộ	Kết từ lập luận diễn đạt sự giải thích - chứng minh	Kết từ lập luận diễn đạt sự bổ sung	Kết từ lập luận diễn đạt sự kết luận
<i>mais</i> , <i>pourtant</i> , <i>cependant</i> , <i>néanmoins</i> , <i>toutefois</i> , <i>quand même</i> , <i>malgré</i> , <i>tout</i> , <i>en revanche</i> , <i>au contraire</i> , <i>certes... mais</i>	<i>car</i> , <i>puisque</i> , <i>parce que</i> , <i>en effet</i>	<i>or</i> , <i>donc</i> , <i>d'ailleurs</i> , <i>et</i> , <i>sorte que</i> , <i>en tout cas</i> , <i>de toute même</i> , <i>de plus</i> , <i>non façon</i> , <i>quoi qu'il en soit</i> , <i>somme seulement... mais encore</i>	<i>donc</i> , <i>aussi</i> , <i>ainsi</i> , <i>c'est pourquoi</i> , <i>par conséquent</i> , <i>de</i> , <i>toute</i> , <i>tout bien considéré</i> , <i>après tout</i> , <i>enfin</i> , <i>en définitive</i> , <i>finalement</i> , <i>en résumé</i> , <i>en conclusion</i> .

Kết từ ba vị trí: “là kết từ đòi hỏi có ba phát ngôn mới có thể hình thành nên một lập luận” [2, tr.185]. Theo đó, *d'ailleurs* (và lại), *mais* (nhưng), *non seulement ... mais encore* (không những...mà còn...), *décidément*, *pourtant*, *quand même*, *finalement*, *même*, ... là các kết từ ba vị trí.

Ví dụ:

J'aime bien sortir mais j'ai mal à la tête, je reste à la maison.

(Tôi rất muốn đi chơi, nhưng tôi đau đầu, lại ở nhà.)

Theo quan điểm của Moeschler (dẫn theo [5, tr.3]), khi một kết từ là kết từ ba vị trí thì cần phân biệt kết từ có luận cứ đồng hướng (kết từ 3 vị trí đồng hướng) (argument coorienté) (*décidément*, *d'ailleurs*, *même*) và kết từ có luận cứ nghịch hướng (kết từ 3 vị trí nghịch hướng) (argument anti-orienté) (*quand même*, *sinon*, *pourtant*, *finalement*, *mais*).

Trần Thế Hùng [5, tr.4] tóm tắt sự kết hợp các tiêu chí phân chia của Moeschler qua bảng 1.

Các cách phân chia này đều rất hữu ích đối với người học tiếng Pháp, khi cần diễn đạt ý nào, mối quan hệ nào, họ cũng có thể tìm được nhiều phương tiện diễn đạt tương ứng.

Quả thực, nghiên cứu các kết từ lập luận trong tiếng Pháp là rất cần thiết đối với sinh viên Việt Nam học tiếng Pháp trong đó có sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên vì họ gặp rất nhiều khó khăn trong việc hiểu và sử dụng các kết từ lập luận. Các kết từ này không chỉ liên kết hai (hoặc hơn hai) mệnh đề với nhau, liên kết các đoạn với nhau mà nó còn thể hiện định hướng lập luận. Cách sử dụng của chúng rất phong phú, đa dạng nên chúng ta cần có các phương pháp dạy phù hợp để giúp sinh viên dễ hiểu và sử dụng các kết từ này một cách hiệu quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm được phương pháp dạy các kết từ lập luận trong tiếng Pháp một cách hiệu quả, trước tiên tác giả tiến hành phân tích tài liệu. Tác giả thu thập và tổng hợp các tài liệu và khái niệm kết từ lập luận, phân loại các kết từ lập luận trong tiếng Pháp.

Sau đó, tác giả khảo sát bài viết của 50 sinh viên năm thứ 3 tại Khoa Ngoại ngữ - ĐHTN. Các sinh viên này học tiếng Pháp như ngoại ngữ thứ 2. Tính đến thời điểm khảo sát, người học đã học xong 7 bài của giáo trình "Alter ego 1". Vậy nên, họ đã có vốn từ vựng và ngữ pháp tương đối.

Tác giả yêu cầu những người tham gia viết một bài ngắn khoảng 100 từ về chủ đề: *Vous aimez vivre à la campagne ou en ville ? Pourquoi ? (Các em thích sống ở nông thôn hay thành thị ? Tại sao ?)*

Để lấy được các bài viết, tác giả đưa chủ đề cho giáo viên 2 ngày trước buổi học, và để cho giáo viên tự do tổ chức bài học của mình. Thời gian dành cho bài viết là 45 phút. Tác giả tiến hành khảo sát vào tuần thứ 7 của kì học, như vậy kết quả thu được sẽ giúp tác giả thiết kế, điều chỉnh nội dung kiến thức ngữ pháp, nội dung học phần Đọc hiểu và Diễn đạt viết phù hợp hơn với trình độ của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu

Như đã nói ở trên, mục đích của nghiên cứu là giúp sinh viên sử dụng các kết từ lập luận trong tiếng Pháp hiệu quả hơn, nên tác giả tập trung đánh giá bài viết trên tiêu chí: sự liên kết giữa các ý. Thông thường để lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, sinh viên phải biết sử dụng các từ nối, các kết từ lập luận. Sau khi khảo sát 50 bài viết của sinh viên, tác giả nhận được kết quả như trong Hình 1.



Hình 1. Tỷ lệ câu trả lời của sinh viên

Có 14 bài (chiếm tỷ lệ 28%) hoàn toàn không sử dụng từ nối và các kết từ lập luận, sinh viên viết các câu rời rạc, không có sự liên kết. Chỉ có 4 bài viết (chiếm tỷ lệ 8%) lập luận chặt chẽ, sử dụng chính xác các kết từ lập luận. Và 32 bài viết (chiếm tỷ lệ 64%) có sử dụng kết từ lập luận nhưng các em sử dụng không chính xác, chẳng hạn như:

Bien que la vie à la campagne est tranquille, mais je préfère la vie en ville. (bài 5)

L'air à la campagne est pur, alors je vais souvent en ville. (bài 19)

Parce qu'on peut planter des légumes, élever des poulets, des porcs, on peut économiser de l'argent (bài 29)

Nhìn vào biểu đồ, chúng ta thấy rõ là người học gặp rất nhiều khó khăn khi sử dụng từ nối, kết từ lập luận để viết bài. Vậy làm thế nào để giúp sinh viên sử dụng các kết từ này một cách linh hoạt, hợp lý? Trong phần tiếp theo, tác giả đưa ra một số đề xuất sư phạm.

5. Đề xuất sư phạm

Ở Việt Nam, đến tận bây giờ, phần lớn các giáo viên đều sử dụng phương pháp diễn dịch để dạy ngữ pháp nói chung, dạy các kết từ lập

luận nói riêng, có nghĩa là trước tiên họ đưa ra quy tắc, sau đó giải thích rồi cung cấp bài tập áp dụng và cuối cùng là yêu cầu sinh viên tái sử dụng hiện tượng ngữ pháp này trong quá trình luyện nói và viết. Tuy nhiên phương pháp này thường khiến sinh viên thụ động trong quá trình học tập.

Chính vì vậy, tác giả luôn tự hỏi làm thế nào để dạy các kết từ lập luận tiếng Pháp này một cách sinh động, hấp dẫn người học.

Trước tiên, chúng ta cần tạo hứng thú cho học sinh trong giờ học, mà một trong những cách tốt nhất để tạo hứng thú là giúp học sinh giải quyết được vấn đề họ đang gặp phải. Có nghĩa là cần phải dạy các kết từ lập luận này khi họ thực sự cần. Ví dụ, khi nào sinh viên muốn giải thích nguyên nhân nghỉ học, nguyên nhân không làm bài về nhà, mà không biết dùng các từ ngữ diễn đạt nguyên nhân, thì sẽ rất hợp lý nếu giáo viên dạy các kết từ diễn đạt nguyên nhân (*parce que, car...*) để người học có thể diễn đạt được ý tưởng của mình.

Ví dụ khác, ở mức độ cao hơn, khi sinh viên chuẩn bị ý cho một chủ đề viết, họ đã có các ý, nhưng làm thế nào để các ý liên kết được với nhau. Lúc này chính là lúc chúng ta dạy các kết từ dẫn nhập luận cứ và kết từ dẫn nhập kết luận. Cụ thể như sau: các em sinh viên có chủ đề viết:

Vous aimez vivre à la campagne ou en ville ? Pourquoi?

(Các em thích sống ở nông thôn hay thành thị ? Tại sao ?). Sau khi lập dàn ý, người học có các ý sau:

Avantage de la vie en ville (Lợi ích của cuộc sống ở thành phố)	Avantage de la vie à la campagne (Lợi ích của cuộc sống ở nông thôn)
- On bénéficie de bonnes conditions de vie.	- La vie est calme.
- La ville nous offre plus de possibilité d'emplois.	- Habiter à la campagne facilite les relations de voisinage.
- Les citadins sont dynamiques.	- Se loger ici est beaucoup plus économique.

Khi người học có các ý này, họ phải sử dụng các kết từ 3 vị trí đồng hướng để liên kết các ý này lại với nhau, như là *par ailleurs (vả lại), en plus (hơn nữa), en outre (ngoài ra)*. Với các kết từ này sinh viên liên kết các luận cứ với nhau một cách chặt chẽ; và khi muốn kết luận, sinh viên sẽ cần dùng đến các kết từ dẫn nhập kết luận: *bref, en résumé (tóm lại),...*

Tóm lại, chúng ta nên giới thiệu các kết từ lập luận vào đúng thời điểm mà kiến thức của sinh viên không đủ để diễn đạt ý của mình, vào đúng lúc sinh viên thực sự cần được giúp đỡ. Cứ như thế thì người học sẽ quan tâm hơn tới giờ học các kết từ lập luận nói riêng, và giờ học ngữ pháp nói chung.

Sau đó, chúng ta sẽ tính tới phương pháp sư phạm. Phương pháp mà tác giả muốn đề cập ở đây là phương pháp quy nạp, nghĩa là thông qua các ví dụ, người học sẽ tìm ra quy tắc. Với phương pháp này, ban đầu giáo viên sẽ yêu cầu học sinh quan sát hoặc đọc một tài liệu nói hoặc viết.

Chẳng hạn như giáo viên cho học sinh quan sát một số câu sau và yêu cầu đưa ra nhận xét về câu trả lời :

Pourquoi est-ce que tu as échoué à l'examen ? Parce que je ne travaillais pas assidument.

(Tại sao em thi trượt ? Bởi vì em không học bài chăm chỉ.)

Pourquoi est-ce que tu as échoué à l'examen ? À cause de ma paresse.

(Tại sao em thi trượt ? Là do em lười biếng)

Pourquoi est-ce que tu peux faire cet exercice difficile ? Grâce à l'aide de mon frère.

(Tại sao cậu có thể làm được bài tập khó này ? Nhờ vào sự giúp đỡ của anh trai tớ.)

Sau đó yêu cầu suy nghĩ và tìm ra quy tắc sử dụng của các từ, ngữ : *parce que, à cause de, grâce à* ; tiếp đến sinh viên sẽ làm các bài tập ngữ pháp về các phương tiện biểu đạt này, cuối cùng người học tái sử dụng các kết từ lập luận này để diễn đạt nói hoặc viết. Đối với giáo viên, kích thích được học sinh suy nghĩ

chính là cách đảm bảo học sinh hiểu bài tốt hơn. Tuy nhiên, nên kết hợp cả phương pháp diễn dịch và quy nạp với nhau để bài học hiệu quả hơn, việc kết hợp này không chỉ kích thích sự tò mò tìm hiểu bài học của sinh viên mà còn đánh thức sự sáng tạo của sinh viên (chính là việc tìm ra quy tắc). Sau cùng, giáo viên cũng nên nêu rõ ràng quy tắc sử dụng kết từ lập luận đó, để sinh viên có thể hiểu rõ hơn bài học và tránh được sự nhầm lẫn.

Cuối cùng, giáo viên nên bổ sung các hoạt động dạy trên lớp. Khi xem các sách bài tập ngữ pháp, có 2 dạng bài tập phổ biến: bài tập điền từ và bài tập biến đổi câu. Thêm vào đó, giáo viên nên bổ sung các dạng bài tập nói và/ hoặc viết để dạy các kết từ lập luận trong tiếng Pháp. Dạng bài tập này không có nhiều trong các sách bài tập nên giáo viên cần bổ sung thêm vào trong các giờ học của mình. Đặc biệt, giáo viên cần đảm bảo rằng sinh viên làm các hoạt động, các bài tập có ý nghĩa và có ngữ cảnh cụ thể. Chẳng hạn như một bài nói đơn giản ở trình độ A2: *Dites quel sport vous pratiquez et pourquoi. (Em chơi môn thể thao nào, giải thích tại sao)*. Chắc chắn với chủ đề này, người học cần dùng đến các kết từ dẫn nhập luận cứ (kết từ diễn đạt nguyên nhân): *Comme, parce que, car (bởi vì)*; kết từ 3 vị trí đồng hướng: *de plus (hơn nữa), d'ailleurs (và lại), premièrement (thứ nhất), deuxièmement (thứ hai), troisièmement (thứ ba), ...*; kết từ dẫn nhập kết luận: *donc, alors, c'est pourquoi (vậy thì, vậy nên), en bref (tóm lại)*. Việc đa dạng hóa các dạng bài tập chắc chắn sẽ khiến sinh viên hứng thú hơn, tiếp thu bài nhanh hơn và sử dụng các kết từ lập luận thường xuyên hơn, hiệu quả hơn.

6. Kết luận

Lập luận có vai trò vô cùng quan trọng trong giao tiếp. Để có được một lập luận tốt, sinh

viên cần huy động rất nhiều kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội. Trong đó, kết từ lập luận là những yếu tố ngôn ngữ dùng để liên kết các thành phần trong một lập luận, các kết từ này góp phần tạo nên những lập luận chặt chẽ. Tuy nhiên, sự phân loại, cách sử dụng các kết từ lập luận trong tiếng Pháp rất phong phú, nên chúng ta cần có các phương pháp dạy phù hợp giúp sinh viên dễ hiểu và sử dụng các kết từ lập luận một cách hiệu quả. Giáo viên nên dạy các kết từ lập luận trong tiếng Pháp vào thời điểm học sinh thực sự cần để diễn đạt ý tưởng của mình, như vậy học sinh nhớ lâu và tái sử dụng kiến thức này một cách hợp lý. Hơn nữa, cũng cần tính đến phương pháp sư phạm kích thích người học phải tìm tòi, suy nghĩ: phương pháp quy nạp giúp sinh viên tìm ra quy luật, quy tắc sử dụng các kết từ lập luận trong tiếng Pháp. Sau cùng, sự đa dạng hóa các hoạt động dạy, các dạng bài tập sẽ mang đến sự mới mẻ, hứng thú cho người học tiếng Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. M. Riegel, J-C. Pellat, and R. Rioul, *Methodical Grammar of French* (in French), 4th ed. Paris: Presses Universitaires de France, 2009.
- [2]. H. C. Do, *Overview of Linguistics* (In Vietnamese), vol. 2, Education Publisher, Hanoi, 1993.
- [3]. D. D. Nguyen, *Introduction to Formal Logic* (In Vietnamese), Vietnam National University Press, HCMC, 2008.
- [4]. T. H. Tran, *Argumentum in Linguistics (A research in French)* (In Vietnamese), Conference Proceeding 2006. [Online]. Available: <http://data.ulis.vnu.edu.vn/jspui/handle/123456789/1136>. [Accessed September 18, 2019].
- [5]. T. H. Tran, *Argumentative Agents & Connectors* (In Vietnamese), Conference Proceeding 2010. [Online]. Available: <http://data.ulis.vnu.edu.vn/jspui/handle/123456789/598>. [Accessed September 18, 2019].